

Số: 08 /BVĐKT-VTTBYT  
V/v Yêu cầu báo giá gói thầu mua sắm  
vật tư y tế năm 2025-2026

Sơn La, ngày 09 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế năm 2025-2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Tâm Anh

- Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư thiết bị y tế

- Số điện thoại: 0972555196

- Địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La – Tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận Trực tiếp: Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La - Tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. (*Bản báo giá gốc, tài liệu kỹ thuật, Catalogue,...*)

- Nhận qua email: vttbytbenhviensonla@gmail.com (*Bản scan báo giá gốc, file mềm (Docx, xls, ...), tài liệu kỹ thuật, Catalogue, ...*).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ 10h00 ngày 10/01/2025 đến trước 16h30 ngày 21/01/2025.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 21/01/2025.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục vật tư y tế, thiết bị y tế: (*Phụ lục I đính kèm*)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La – Tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 48 giờ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo số lượng thực tế mua sắm trong năm.

5. Các thông tin khác:

5.1. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Báo giá theo mẫu (*Phụ lục II đính kèm*).
- Catalogue, cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật chi tiết và các tài liệu khác liên quan.
- Hợp đồng mua bán tương tự (nếu có).

5.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, theo biểu mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo Quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Đăng tải Hệ thống đấu thầu Quốc gia;
- Đăng tải Hệ thống chào giá BHYT;
- Phòng ĐD (đăng Website Bệnh viện);
- Lưu: VT, VTTBYT Anh (3b).

**GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Xuân Thụ**

## Phụ lục I

## Danh mục vật tư y tế, thiết bị y tế

(Ban hành kèm theo công văn số 08/BVEKF-VTTBYT ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La)



STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bông thấm nước	Bông hút nước, đã loại mỡ (100% cotton), tẩy trắng và làm tơi.	1.500	Kg
2	Bông gạc đắp vết thương 6 x 15cm vô trùng	Nguyên liệu: - Vải không dệt Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose, thấm nước. - Sợi bông cotton 100%, hút nước - Kích thước: 6cm x 15cm	150.000	Cái
3	Cồn sát khuẩn tay nhanh dạng gel	Hoạt chất: Ethanol 56 % (w/w), Isopropanol 18 % (w/w), Ortho-Phenylphenol 0,15 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo gel: Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate. Hương liệu. Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l)	250.000	mL
4	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo màu, hương liệu. Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l)	450.000	mL
5	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu.	250.000	mL
6	Dung dịch rửa tay phẫu thuật Chlorhexidine 4%	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu.	200.000	mL
7	Dung dịch rửa tay thường quy	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu.	400.000	mL
8	Cồn tuyệt đối	Nồng độ Ethanol 99,5 độ. Màu trong không có vẩn đục. Sát trùng ngoài da, diệt trùng các dụng cụ y tế.	30	Lít
9	Cồn 90 độ	Nồng độ Ethanol 90 độ. Màu trong không có vẩn đục. Sát trùng ngoài da, diệt trùng các dụng cụ y tế.	1.200	Lít

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Cồn 70 độ	Nồng độ Ethanol 70 độ. Màu trong không có vẩn đục. Sát trùng ngoài da, diệt trùng các dụng cụ y tế.	2.500	Lít
11	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	- Thành phần: <5% phosphates, chất điện hoạt không ion, ≥ 30% chất tẩy trắng gốc oxy Hoạt chất peracetic acid được hình thành trong quá trình pha dung dịch. Dung dịch 1% (10g cóm mỗi lít) chứa ≥ 0.15% peracetic acid Diệt bào từ ≤ 60 phút	30	Kg
12	Dung dịch diệt khuẩn dụng cụ nội soi, phẫu thuật và dụng cụ không chịu nhiệt/Cidex OPA	Thành phần: Ortho-phthalaldehyde 0,55%. pH 7.2 - 7.8. Không gây ăn mòn dụng cụ. Thời gian ngâm khử khuẩn cấp cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng ≥ 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch còn lại trong can là ≥ 75 ngày tính từ khi mở nắp. Tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trực khuẩn lao (kể cả Mycobacterium bovis). Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt.	1.300	Lít
13	Dung dịch sát khuẩn mức độ cao	Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Tái sử dụng tối đa 30 ngày Tăng kèm test thử tương thích sản phẩm	900	Lít
14	Dung dịch khử nhiễm ban đầu dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và dụng cụ nội soi	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 10% (w/w) , Poly(hexamethyleneguanide) hydrochloride (PHIMB) 1,5% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg2+, Ca2+: EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH: Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, chất tạo màu và hương liệu.	300.000	mL
15	Dung dịch khử nhiễm ban đầu dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và dụng cụ nội soi	- Thành phần: < 5% chất điện hoạt không ion và chất khử khuẩn Hoạt chất khử khuẩn có trong 100g: 18g N,N-didecyl-N-methyl-poly (oxyethyl) ammoniumpropionate, PH: 6.1 -6.0 ( 5-20ml/l dựa vào nước khử ion, 20°C) Độ nhớt < 50mPa s ( dung dịch đặc, 20 độ C) Dung dịch kết hợp tính năng tẩy rửa và khử khuẩn sơ bộ dụng cụ (bao gồm cả dụng cụ nội soi mềm), sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa siêu âm trước khi đưa vào máy rửa khử khuẩn	220	Can
16	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme CIDEZYME	-Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút. - pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ - Tương thích với nhiều loại dụng cụ	120	Lít

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17	CloraminB	Cloramin B bột $\geq 25\%$ Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5% (w/w), Ion Ag 0,005% (w/w). Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 Mycobacterium: EN 14348 Virus: EN 14476 Bảo từ: EN 13704 Dung dịch pha sẵn để sử dụng ngay, không cần pha loãng Dung dịch pha sẵn để sử dụng ngay, không cần pha loãng Hoạt chất: Diethyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylene guanide) hydrochloride (PHMB) 0,1% (w/w), Ethanol 30% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg <sup>2+</sup> , Ca <sup>2+</sup> : EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, hương liệu. Đạt hiệu quả vi sinh sau 1 phút tiếp xúc	15	Kg
18	Dung dịch phun khử khuẩn không khí		50	Lít
19	Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt		350.000	mL
20	Viên sủi khử khuẩn Presept hoặc tương đương	Thành phần: 2,5g Troclosense Sodium 50% (50% Sodium dichloroisocyanurate: 2500mg/viên, 24% Apidic acid: 1200mg/viên, thành phần khác 26%). Khử khuẩn dụng cụ, làm sạch bề mặt, đồ vải, phòng thí nghiệm.	10.000	Viên
21	Vôi Soda	Chế phẩm hóa học có thành phần chính là hỗn hợp canxi Hydroxit (Ca(OH) <sub>2</sub> ) và natri Hydroxit (NaOH) Can $\geq 4,5$ Lít	30	Can
22	Dung dịch làm sạch bằng cơ chế enzyme dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và dụng cụ nội soi	Enzyme Protease: 0,5% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxyolate, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu... pH trung tính: 7-8 (ở 20°C); dễ dàng tương thích với nhiều loại vật liệu, không gây ăn mòn kim loại	250.000	mL
23	Dung dịch tẩy khuẩn màng lọc	Dung dịch chứa các thành phần sau: Hydrogen peroxide: $\geq 25\%$ Peroxyacetic acid: $\geq 5\%$ Acetic Acid: $\geq 9\%$ Thành phần trơ: $\leq 61\%$ + Sử dụng ngâm rửa quá lọc máu thận nhân tạo. + Được sử dụng để làm sạch và khử trùng đường ống dẫn của máy chạy thận nhân tạo.	200	Lít
24	Dung dịch chống ăn mòn dụng cụ	- Thành phần: <5% chất điện hoạt anion và lưỡng tính cùng enzyme, chất bảo quản (3-Iodo-2-propinyl butylcarbamate, 1,2-Benzisothiazol-3 (2H) -one)	10	Bình

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		- PH: 9,5 (không pha loãng, 20 °C) - Độ nhớt xấp xỉ 1.0g/cm <sup>3</sup> ( 20 độ C)		
25	Dung dịch đánh gi sét	- Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion < 5% ,phosphates > 30% - pH: 1.8-0.9 (nước khử khoáng, 20 °C, dung dịch 1 -10% ( 10-100ml/L)) - Độ nhớt: < 50 Pas (trong dung dịch đậm đặc, 20 °C)	10	Lít
26	Dung dịch đánh bóng và bôi trơn dụng cụ	- Thành phần: Paraffinum liquidum dùng trong thực phẩm và dược phẩm, chất điện hoạt không ion, khí propan / butan hóa lỏng - Tỷ trọng giá trị: ≥ 0,86 g/cm <sup>3</sup> , nhiệt độ 20 độ C	10	Bình
27	Băng bột bó 10 x 4,6	Làm từ bột thạch cao liên lạc. Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng ≥ 10cm, chiều dài ≥ 460cm	560	Cuộn
28	Băng bột bó 15 x 4,6	Làm từ bột thạch cao liên lạc. Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng ≥ 15cm, chiều dài ≥ 460cm	360	Cuộn
29	Băng bột bó 20 x 4,6	Làm từ bột thạch cao liên lạc. Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng ≥ 20cm, chiều dài ≥ 460cm	40	Cuộn
30	Băng thun 10cm x 4,5m	Thành phần: Dệt từ sợi cao su thiên nhiên và polyester Đặc tính: - Ngoại quan: Màu trắng, mềm, mịn, có độ đàn hồi. - Độ bền nén thùng: ≥ 180N - Độ dẫn dài 100% sau khi căng trong 4 giờ: ≤ 105% - Độ bền kéo đứt (chiều dọc): ≥ 150 N - Độ dẫn dài khi đứt (chiều dọc): ≥ 150% - Kích thước: ≥ 10cm x 4.5m.	600	Cuộn
31	Băng cuộn (5cm x 2,5m)	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Mật độ 20x14 sợi/ inch. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Kích thước: 5cm x 2.5m	10.000	Cuộn
32	Băng cuộn (10cm x 5m)	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Mật độ ≥ 20x14 sợi/ inch. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Kích thước: 10cm x 5m	3.000	Cuộn
33	Băng dính lụa 2,5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi ≥ 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide, lực dính ≥ 1,8-5,5 N/cm. Lõi nhựa liên cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7. Kích thước: 2,5cm x 5m	2.000	Cuộn
34	Băng dính lụa 5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi ≥ 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide, lực dính ≥ 1,8-5,5 N/cm. Lõi nhựa liên cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7. Kích thước: 5cm x 5m	3.000	Cuộn

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
35	Gạc cầu đa khoa Φ 30 x 2 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng $\geq 25-27$ g/m. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Phi 30, 2 lớp vô trùng.	120.000	Cái
36	Gạc cầu đa khoa Φ 40 x 2 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng $\geq 25-27$ g/m. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Phi 40, 2 lớp vô trùng.	80.000	Cái
37	Gạc hút	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25-27 g/m <sup>2</sup> . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch.	50.000	Mét
38	Gạc meche phẫu thuật 3,5 x 7,5cm x 6 lớp cân quang vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m <sup>2</sup> . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Kích thước: 3,5 x 7,5cm x 6 lớp cân quang vô trùng	10.000	Miếng
39	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m <sup>2</sup> . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Kích thước: 10 x 10cm x 8 lớp vô trùng	350.000	Cái
40	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5cm x 6 lớp	Tiệt khuẩn bằng khí EO. Không có hóa chất tẩy trắng; Tốc độ hút nước: Thời gian chìm không quá 10 giây; Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ ẩm: không quá 8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; Không có tinh bột hoặc Dextrin. Các chất tan trong nước: không quá 0,5%; Kích thước: 7,5 x 7,5cm x 6 lớp	30.000	Miếng
41	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40 cm, 6 lớp cân quang vô trùng	Kích thước: 30 x 40cm x 6 lớp, cân quang vô trùng. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.	20.000	Miếng
42	Gạc có định kim luôn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Lớp màng polyurethane film (PU film) bán thấm, mỏng, trong suốt (phù keo acrylic, bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra) giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính &gt;27 nm (HIV -1, HB V,...) xâm nhập vào vết thương; được xẻ rãnh phù hợp, dán cố định kim luôn có công tiêm và lớp Pad thấm hút (viscose + polyester) phủ Polyethylene (PE) chống dính. Khung viền giấy để cầm khi dán băng, dễ dàng bóc ra.</li> <li>- Màng PU bán thấm, mỏng, trong suốt, bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật.</li> <li>- Co giãn tốt, thoáng khí, tốc độ thoát hơi MVTR (moisture vapor transmission rate) <math>\geq 600</math> g/m<sup>2</sup>.24h.</li> <li>- Có nhãn dán ghi ngày, giờ kèm theo và 2 dải băng dính cố định dây truyền.</li> <li>- Không thấm nước, băng bo 4 góc tránh bung mép.</li> <li>- Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn.</li> <li>- Kích thước: 60 x 70mm.</li> </ul>	5.000	Miếng

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
43	Miếng dán chống loét	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Dùng cho vết thương tiết dịch ít đến trung bình bao gồm: loét ti đê, bỏng nhẹ( bỏng dầu ăn, bỏng pô xe máy), vết trầy sát, vết cắt.</li> <li>-Dùng phòng ngừa loét ti đê khi da đổi màu, hoặc mới trợt da</li> </ul>	30	Miếng
44	Miếng cầm máu mũi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vật liệu từ Xốp PVA (Polyvinyl alcohol).</li> <li>Hiệu quả cầm máu nhanh, thấm hút tốt gấp 26 lần trọng lượng của chúng</li> <li>Dây làm bằng chỉ không tiêu (Polyamide 6/66, Silk...).</li> <li>Tốc độ thấm thụ chất lỏng: tối thiểu 3 giây</li> <li>Kích thước lỗ: 200-1400µm</li> <li>Kích thước (dài x rộng x cao): 80 mm x 20 mm x 15 mm</li> <li>Test không có vi khuẩn và nấm mốc</li> <li>Tồn dư EO, ECH: Không vượt quá 60 mg/ sản phẩm</li> </ul>	100	Miếng
45	Miếng cầm máu tai	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kích thước 12cm x 24cm. Được thiết kế để điều trị bệnh viêm tai giữa. Mềm, thấm nước và giúp giữ thuốc kháng sinh trong ống tai. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate</li> </ul>	100	Miếng
46	Sáp cầm máu xương	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành phần được chế tạo từ 80% sáp ong tinh chế và 20% Isopropylalmitate, Được sử dụng để kiểm soát sự chảy máu từ bề mặt xương</li> </ul>	100	Miếng
47	Sáp cầm máu sọ não	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vật Liệu cầm máu dạng lưới mỏng, được sản xuất từ 100% vật liệu hữu cơ Oxy hóa Cellulose tái sinh. Cầm máu nhanh trong vòng 2-3 phút, dễ bám dính vào vết thương và tự tiêu hoàn toàn sau 7 tới 14 ngày. Có thể cắt, khâu sử dụng trong các phẫu thuật khác nhau. Đóng gói tiệt trùng bằng tia Gamma, kháng khuẩn tốt.</li> </ul>	100	Miếng
48	Bơm cho ăn 50ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</li> <li>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.</li> <li>- Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> </ul>	30.000	Cái
49	Bơm tiêm 1ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim ≥ 26Gx1/2".</li> </ul>	60.000	Cái
50	Bơm tiêm 3ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pit tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1"</li> </ul>	100.000	Cái
51	Bơm tiêm 5ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tới đa đến 6ml</li> <li>- Pit tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1".</li> </ul>	350.000	Cái



STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
52	Bơm tiêm 10mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml</li> <li>- Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1"</li> </ul>	500.000	Cái
53	Bơm tiêm 20mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đui khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1"</li> </ul>	300.000	Cái
54	Bơm tiêm 50mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng.</li> </ul>	50.000	Cái
55	Bộ bơm tiêm sử dụng 1 lần dùng cho máy bơm tiêm cân quang	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ bơm tiêm sử dụng 1 lần dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng dùng trong chụp CT</li> <li>- 01 bộ bao gồm:</li> <li>+ 01 xy lanh ≥200ml</li> <li>+ 01 đầu kim nhựa hút thuốc</li> <li>+ 1 dây bơm thuốc cân quang dài ≥150cm</li> <li>- Áp suất giới hạn 350psi.</li> </ul>	500	Cái
56	Bơm tiêm Insulin các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng.</li> <li>- Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI.</li> <li>- Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30Gx8mm, 31Gx6mm, 32Gx6mm</li> </ul>	10.000	Cái
57	Kim bướm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP.</li> </ul>	80.000	Cái
58	Kim lấy thuốc các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.</li> </ul>	280.000	Cái
59	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau</li> <li>- Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa</li> <li>- Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon.</li> <li>- Mạng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Kim luồn có cánh, có cửa</li> <li>- G16: Đường kính và độ dài catheter: ≥ 1.7mm x 50mm</li> <li>- G18: Đường kính và độ dài catheter: ≥ 1.3mm x 45mm</li> <li>- G20: Đường kính và độ dài catheter: ≥ 1.1mm x 33mm</li> <li>- G22: Đường kính và độ dài catheter: ≥ 0.9mm x 25mm</li> </ul>	170.000	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
60	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh 24G	<p>Kim bằng thép không gỉ 304. Mũi kim có ba góc vát, độ dày đầu nhọn <math>\leq 0.05\text{mm}</math>, sắc nhọn, Silicon phủ đầu kim giảm lực đâm, hạn chế tổn thương Kim chịu được ít nhất là 20 lần uốn mà không gãy, góc uốn 25 độ Ống thông Polyurethane (PUR) bền, chống xoắn gập, có 4 đường cán quang, công nghệ tip forming hiện đại; Buồng chặn PP cấp độ y tế, có màng lọc PTFE kháng khuẩn, chống chảy tràn, tăng tốc độ máu chảy ngược Ống thông lưu trong lòng mạch đến 72 giờ Đường kính/Chiều dài và Lưu lượng dòng chảy qua ống thông: Size 24G: 0.7 x 19 mm 18 ml/ phút Công tiêm truyền có van Silicone một chiều.</p>	75.000	Cái
61	Kim nha khoa cỡ 27G	- Cỡ kim: 27G- Chiều dài kim: $\geq 21\text{mm}/30\text{mm}$	3.000	Cái
62	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	<p>- Đầu kim Quinke 3 mặt vát sắc bén, dài <math>\geq 88\text{mm}</math> và <math>\geq 40\text{mm}</math> - Chuôi kim trong suốt, có lăng kính phản quang màu ánh bạc lăng kính trở nên trong suốt sau khi dịch não tủy chảy ra. - Kích cỡ nòng kim: 18G, 20G, 22G dài, 22G ngắn, 25G, 27G, 29G</p>	12.000	Cái
63	Kim chạy thận	<p>Kim cỡ 16G. Bao gồm loại cánh xoay. Thiết kế backeye. Chiều dài kim <math>\geq 25\text{mm}</math>. Kim làm tối thiểu bằng thép không gỉ và được bao bọc tối thiểu bằng silicone. Thành kim mỏng cho phép lưu lượng máu tối đa</p>	52.000	Cái
64	Kim châm cứu các loại, các cỡ	<p>- Kim châm cứu tiết trùng tay cầm (độc kim) bằng đồng, dạng vi nhôm, có khuyết, có màu đồng nhất, lớp phủ bên ngoài có màu trắng bạc, không có nếp nhăn. - Lực châm: <math>\geq 0,8\text{N}</math> - Độ cứng của thân kim: (460-655)HV theo thang đo Vicker - Bề mặt kim bóng láng Ra <math>\leq 0.63\ \mu\text{m}</math> - Kích thước: + Đường kính: 0,25mm <math>\sim</math> 0.30mm + Chiều dài: 13mm <math>\sim</math> 75mm</p>	150.000	Cái
65	Dây truyền dịch	<p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích <math>\geq 14\text{ml}</math>, có màng lọc dịch <math>\leq 15\ \mu\text{m}</math>. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền <math>\geq 1700\text{mm}</math>. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p>	250.000	Bộ

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
66	Dây truyền đếm giọt	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh tốc độ truyền ổn định, có thể cài đặt tốc độ truyền từ 5ml/h-250ml/h, có khóa chặn dòng. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5$ ml. Độ dài dây dẫn $\geq 1500$ mm.	2.000	Bộ
67	Bộ dây truyền máu	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng; Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luer luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.	12.000	Bộ
68	Khóa ba chạc	Dây dài $\geq 1800$ mm làm từ chất liệu PVC y tế, không gây sót, không độc hại, tiết trùng bằng khí EO. Kim cỡ 18Gx1 1/2'. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200 $\mu$ m, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml - Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh	16.000	Cái
69	Khóa ba ngã có dây dẫn	- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh	6.500	Cái
70	Găng tay dài sản khoa	- Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên - Màu trắng tự nhiên của cao su - Có phủ bột chống dính Kích thước: - Bề dày: min 0,15 mm - Chiều dài: 490 $\pm$ 10 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size 7: 89 $\pm$ 5mm + Size 7 1/2: 95 $\pm$ 5mm	1.500	Đôi
71	Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên, dùng được cả hai tay, bề mặt trơn, cổ tay se viền. Chiều dài 240mm, độ rộng 76mm $\pm$ 3mm - 113mm $\pm$ 3mm, độ dày ngón tay 0.14mm $\pm$ 0.03mm; độ dày lòng bàn tay 0.11mm $\pm$ 0.03mm. Độ kéo trước khi lão hóa: tối thiểu 18 Mpa, sau khi lão hóa: tối thiểu 14Mpa. Độ giãn đứt(trước lão hóa: Min 650%, sau lão hóa: min 500%).	790.000	Đôi
72	Găng tay không bột	Găng tay không bột các cỡ	12.000	Đôi
73	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các cỡ	Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu cao su tự nhiên ly tâm hai lần Chiều dài: Size 6½: 275mm $\pm$ 5mm; Size 7; 7½ và 8: 282mm $\pm$ 7mm - Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6½: 83mm $\pm$ 5mm; Size 7: 89mm $\pm$ 5mm; Size 7½: 95mm $\pm$ 5mm; Size 8: 102mm $\pm$ 6mm. - Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ: min 0.15mm $\pm$ 0,20mm	220.000	Đôi
74	Dây cho ăn các số	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.	7.500	Cái
75	Túi máu đơn 250ml	Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 250ml Túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1.	2.600	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
76	Túi camera nilon vô trùng	Túi camera vô trùng. Đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng giấy; Tiết trung bằng khí EO gas.	5.000	Cái
77	Túi đựng nước tiêu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ $\geq 2000$ ml, độ dày $\geq 1.2$ mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào $\geq 90$ cm. Có quai treo bằng nhựa PVC	15.000	Cái
78	Ống nghiệm EDTA-K2 (nắp cao su)	Kích thước ống 13x75mm. Có chứa Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) 2ml. Ống nghiệm đã được hút chân không.	100.000	Cái
79	Ống nghiệm Sodium Citrate 3.8%	Kích thước ống 13x75mm. Có chứa Sodium Citrate được pha theo nồng độ 3.8% 2ml. Ống nghiệm đã được hút chân không.	50.000	Cái
80	Ống nghiệm Sodium citrate 3.2%	Kích thước ống 13x75mm. Có chứa Sodium Citrate được pha theo nồng độ 3.2% 2ml. Ống nghiệm đã được hút chân không.	10.000	Cái
81	Ống nghiệm Heparin	Kích thước ống 13x75mm. Có chứa Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na, K, Cl, ... trừ Li), khí máu. Ống nghiệm đã được hút chân không.	180.000	Cái
82	Ống nghiệm lấy máu	Ống nghiệm nhựa Kích thước 12x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Nắp màu đỏ, không chứa hoá chất.	40.000	Cái
83	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu bằng thủy tinh, kích thước 2x18 cm	10.000	Cái
84	Ống đựng nước tiêu	Chất liệu nhựa y tế cao cấp, có dán nhãn và vạch kẻ sẵn, dung tích 10ml, đáy hình nón. Có nắp vặn chặt, thành dày.	20.000	Cái
85	Ống nghiệm EDTA K3 0.5 ml nắp xoắn vặn dùng cho trẻ em	* Ống nghiệm là ống cryo 1.8 ml nắp xoắn vặn. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) kháng đông cho 0.5ml có thể dùng máu mao mạch chuyên dùng cho các bệnh nhân nhi.	1.000	Cái
86	Ống nghiệm EDTA K3 0.5 ml nắp bật dùng cho trẻ em	* Ống nghiệm là ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 2.0 ml. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Tripotassium salt Dihydrate (EDTA K3), có vạch lấy máu 0.5ml trên nhãn ống.	1.000	Cái
87	Kim sinh thiết dạ dày, đại tràng	Kim sinh thiết đa dạng về chủng loại, có vỏ bọc. Tay cầm 3 ring bằng nhựa Ergonomic, có vỏ bọc chất liệu cao su khiến tay cầm linh hoạt, dễ điều khiển. Chiều dài làm việc 1.8m, $\geq 2.3$ m. Đường kính $\geq 2.3$ mm, Độ mờ ngám từ $\geq 6.7$ mm, không răng. Chiều dài ngám 2.4-2.9mm. Khớp nối đầu kim dạng kéo linh hoạt.	10	Cái
88	Ca - nuyen mờ khí quản các số	Ống: - Được làm bằng vật liệu PVC nhạy nhiệt, có đủ độ cứng ban đầu để đưa vào, phù hợp với đường hô	200	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
89	Ống nội khí quản có bóng chèn các cỡ	<p>hấp trên của từng bệnh nhân ở nhiệt độ cơ thể. Không chứa cao su</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống được in kích thước, chiều dài và các thông tin khác để tham khảo trực quan nhanh chóng</li> <li>- Đầu tip tròn, không gây chấn thương, được khử trùng bằng khí EO, không độc hại, không gây kích ứng</li> <li>- Ống giữ mở khí quản, thông tác nghẽn đường hô hấp trên, hỗ trợ thông khí lâu dài và kiểm soát bài tiết khí quản/phế quản, đưa oxy đến phổi</li> <li>- Obturator: dùng để lắp ống, tạo bề mặt nhẵn giúp hướng ống khí lấp vào</li> <li>- Đầu mặt bích, rõ ràng và theo hình dáng giải phẫu, giúp tiếp cận tốt hơn để chăm sóc lỗ khí, kéo dài từ phía bên của ống ngoài và có lỗ để gắn dây vải hoặc dây Velcro quanh cổ</li> <li>- Tất cả các ống đều có hai băng quản cổ</li> <li>- Đường tia X trong ống để xác định vị trí của ống</li> </ul> <p>Bóng: - Bóng áp suất thấp thể tích lớn, giảm thiểu nguy cơ chấn thương - Thành mỏng giúp hạn chế việc không bị kín</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản.</li> <li>• Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại, có đường cân quang chạy dọc thân ống, có bóng chèn.</li> <li>• Đóng gói riêng lẻ từng túi, các cỡ</li> </ul>	8.000	Bộ
90	Ống nội khí quản không có bóng chèn các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản.</li> <li>• Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại, có đường cân quang chạy dọc thân ống.</li> <li>• Đóng gói riêng lẻ từng túi, các cỡ</li> </ul>	4.000	Bộ
91	Ống nội khí quản Hi-Lo Evac (Có lỗ hút dịch trên Cuff)	Ống nội khí quản Hi-Lo Evac các cỡ	150	Cái
92	Dây thở Oxy 2 nhánh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gong mũi</li> <li>- Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn.</li> <li>- Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu</li> <li>- Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2.3</math> m, lòng ống có khóa chống gấp.</li> </ul>	19.000	Cái
93	Mặt nạ thở Oxy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu.</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2.1</math> m, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn.</li> <li>- Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân.</li> <li>- Dây chun có định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.</li> <li>- Các cỡ: S, M, L, XL.</li> </ul>	50	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
94	Bộ dẫn lưu bàng quang qua da	Cấu hình: 01 ống dẫn lưu; 01 kim chọc, 01 dao mổ. Thông số kỹ thuật: dùng dẫn lưu làm bằng chất liệu Polyrethane, đường kính 6fr-16fr, dài 35cm	60	Bộ
95	Dây hút đờm kín	Hệ thống vô trùng, sử dụng 72h, một công. Thiết kế van chặn ở đầu ống đảm bảo khí không thoát ra ngoài khi rửa. Chất liệu xông hút mềm đầu tip tròn có 2 lỗ hút giúp hút tối đa, an toàn, không gây tổn thương cho bệnh nhân. Lớp bọc ngoài bằng polyurethane đảm bảo hệ thống kín hoàn toàn. Có vạch đo độ dài giúp kiểm soát được độ sâu khi luồn ống hút. Connector thiết kế đặc biệt hình chữ Y, van hút dạng kéo giúp thao tác dễ dàng chỉ với 1 tay. Van khóa chế độ xoay để khóa ngăn chặn việc vô tình khởi động máy hút khi không cần thiết	2.000	Cái
96	Sonde foley 2 nhánh	- 100% chất liệu cao su tự nhiên dùng trong y tế chất lượng cao phủ silicon, tốt cho bệnh nhân - Bóng đối xứng, đàn hồi tốt, hình trụ (đồng tâm) bóng căng đều được thiết kế chống vỡ, tránh bị dính khi đặt lâu và giảm kích thước bàng quang - Các số 6-10 - Chiều dài: ≥ 400mm	12.500	Cái
97	Sonde foley 3 nhánh	Bề mặt: - Bề mặt nhẵn mịn, đầu ống không gây tổn thương. - 100% chất liệu cao su y tế chất lượng cao phủ đầu silicon - Thành ống dày chống gây gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, độ mềm vừa phải để đặt - Đường kính trong phủ silicon, tránh tắc ống Bóng: - Đối xứng, căng đều được thiết kế chống vỡ hoặc dính khi xông lâu - Dung tích bóng ≥ 30ml Van và loại van: - Có loại van cao su - Các cỡ từ 12-30	550	Cái
98	Sonde JJ dành cho bệnh nhân ung thư	Sonde JJ dành cho bệnh nhân ung thư - Chất liệu CARBOTHAN mềm phủ hydrophilic - Đường kính ống thông niệu quản các cỡ 4,7Fr; 6Fr; 7Fr; 8Fr	50	Cái
99	Sonde JJ loại đặt lâu 3 tháng	Chất liệu : Polyurethane phủ hydrophilic. Các cỡ : 4.6Fr/5/6/7Fr, Chiều dài : ≥ 26cm	1.000	Cái
100	Sonde JJ loại đặt lâu 6 tháng	Xông JJ được làm bằng chất liệu Carbothane Tecoflex USA, Các cỡ: 4,8Fr, 6Fr, 7Fr, độ dài 26cm, 28cm. Hai đầu mở, hình chữ J. Đặt trong cơ thể 6 tháng. Một bộ bao gồm: 1 xông JJ, 1 que đẩy, 1 chỉ rút, 1 kẹp (clamp)	25	Cái
101	Sonde Nelaton các số	Bề mặt nhẵn và đầu nhọn cho phép chèn không tổn thương để nâng cao sự phù hợp của bệnh nhân - Chất liệu: nhựa PVC y tế hoặc mù cao su tự nhiên - Có sẵn van cao su - Có sẵn lớp phủ ưa nước Mặt bên: - Ít sang chấn niêm mạc niệu đạo	1.900	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		<p>- Đường kính lớn hơn tối đa hóa dòng chảy của nước tiểu và giảm đông máu</p> <p>Kiểu:</p> <p>- 1 chiều Fr 06-30, trong đó: size Fr6 → Fr10 dài 300mm; size Fr12 → Fr30 dài 400mm</p>		
102	Bộ mở thông dạ dày qua da trực tiếp	<p>1. Bộ kim khâu có định da và dạ dày</p> <p>2. Bộ kim PS mở thông dạ dày</p> <p>3. Ống thông nuôi ăn dạ dày</p> <p>- Ống làm bằng silicone 100%, có bóng có định ở đầu cuối ống có dung tích 10ml, Chiều dài 22,5cm</p> <p>- Ống thông nuôi ăn có kích thước 20Fr tạo lỗ nuôi ăn nhỏ hơn chế tối đa tổn thương da và dạ dày</p> <p>- Ống thông có 2 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng cho việc cố định bên trong dạ dày</p> <p>- Có miếng cố định để cố định ống thông nuôi ăn dạ dày, có chức năng khoá khi không bơm thức ăn</p> <p>Chất liệu: nhựa PVC y tế</p> <p>Chiều dài khoảng <math>\geq 400</math> mm (<math>\pm 5\%</math>).</p> <p>Đường kính bên trong ống: 5,0mm và 7,0mm.</p> <p>Đường kính bên ngoài ống: 7,0mm và 10,0mm.</p>	100	Bộ
103	Sonde dẫn lưu ổ bụng		4.700	Cái
104	Sonde dẫn lưu màng phổi	<p>Chất liệu Silicon, các số 28, 32</p>	100	Cái
105	Sonde chữ T	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công dụng: Được sử dụng để thoát nước cho bệnh nhân bị viêm túi mật.</li> <li>• Làm từ cao su tự nhiên.</li> <li>• Các ống này đều có dải cân quang nằm dọc thân ống để dễ dàng xác định khi chụp X quang.</li> <li>• Phần kết nối có đường kính lớn hơn so với các bộ phận khác.</li> <li>• Size: 14, 16, 18, 20, 22, 24.</li> </ul>	200	Cái
106	Dây hút nhớt các cỡ	<p>Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhân bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài <math>\geq 55</math>cm. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp.</p>	16.000	Cái
107	Dây hút dịch phẫu thuật	<p>Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống <math>\geq 2</math>m, có hai đầu nối kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bên ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo</p>	8.000	Bộ
108	Tay cầm hút dịch phẫu thuật	<p>Vật liệu cứng, đảm bảo để dàng đưa đầu hút đến khu vực cần hút dịch</p> <p>Đầu ống hút có 4 lỗ hút ở thành ống, cho phép lưu thông dịch hút vào nhanh.</p> <p>Vị trí kết nối ở cán tay cầm hút dịch, tương thích với dây dẫn có đầu 6.35mm (1/4") và 9.50mm (3/8")</p>	3.000	Bộ
109	Bộ dây chạy thận nhân tạo	<p>Dây máu chạy thận có kèm 2 bộ bảo vệ cảm biến. Thể tích làm đầy <math>\geq 156</math> ml. Làm bằng nhựa y tế mềm PVC, đầu kết nối và các thành phần khác: PVC, PE, PP, PC, ABS và các nguyên liệu y khoa.</p> <p>Dây tĩnh mạch với bầu tĩnh mạch dài khoảng 130mm. Dây động mạch với bơm máu (đường kính trong 8mm x đường kính ngoài 12mm x chiều dài 350mm), bầu động mạch dài khoảng 130mm.</p>	5.000	Bộ

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
110	Dây lọc máu thân nhân tạo dùng cho HDF Online	1 bộ dây gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch và dây safeline. Chất liệu dây: PVC Không chứa thành phần cao su tự nhiên. Không có DEHP	550	Bộ
111	Dây nối qua háp phụ máu	Chất liệu: nhựa PVC y tế không gây kích ứng đối với cơ thể. Mặt trong thành ống tron nhẵn đủ để làm giảm sức cản và tạo bọt của máu. Ống dây mềm đảm bảo dòng chảy của máu bên trong. Để lắp vào các loại máy. Kích thước dây: đường kính trong là 4,4mm, đường kính ngoài là 6,7mm, độ dài dây là 800mm	200	Bộ
112	Bộ chuyển tiếp	Bộ chuyển tiếp (transfer set) sử dụng kéo dài trong lọc màng bụng, Minicap với kẹp xoắn bao gồm một đầu nối khóa cái (Female)/ bộ kẹp on- off, ống và một đầu nối khóa male Luer có niêm phong kép. Dụng cụ này được kết nối với đầu nối Titan: Đầu nối ống thông dùng trong ống thông lọc màng bụng. Sản phẩm vô trùng.	60	Cái
113	Dây thở dùng 1 lần 2 bể nước	Bộ dây thở loại gọn sóng vật liệu polyethylene (PE), gồm 5 đoạn, 4 đoạn dây 80cm mỗi đoạn, kèm dây limb nối dài 80cm vật liệu PE, 2 bể nước trong suốt, có khuấy xoay được, có chữ y có hai công luer và nắp đậy cố định. Đầu nối tiêu chuẩn 15 và 22 mm. Có co nối thẳng riêng 22mmM/22mmM, người lớn, dùng 1 lần	60	Bộ
114	Gọng thở dùng cho máy CPAP	Vầu mềm và con giúp giảm đau do áp lực. Đầu nối 15mm . Không chứa DEPH, BPA và Latex	250	Cái
115	Dây nối bơm tiêm điện các cỡ	- Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Miền dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong ≤0,9 mm - Đường kính ngoài ≤1,9mm - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ ≥ 0,9ml/phút; áp lực ≥ 2 bar - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng).	41.000	Cái
116	Bộ catheter chạy thân nhân tạo 2 nhánh	Catheter chạy thân nhân tạo 2 nhánh - Bao gồm: 1 catheter, 1 dây dẫn Nitinol đầu cong chữ J, lưới dao số 11, 2 ống nong giãn nở, 1 kim thẳng, 1 ống tiêm 5ml, 2 khóa Heparin, 1 chỉ phẫu thuật liền kim vừa cong, 1 áo phẫu thuật, 1 băng dính vết thương, 5 miếng gạc. - Tốc độ dòng chảy: nòng 1: 225-330ml/min, nòng 2: 221-320 ml/min, - Thể tích mỗi: 1.2ml - Cỡ 12 Fr, dài 20cm, ống nong 12Frx15cm, dây dẫn 0.035"x60cm	650	Bộ
117	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Kim dẫn đường sắc bén Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 6F, chiều dài 20cm, 1 nòng, kích cỡ nòng	140	Cái



STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		G14 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn		
118	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Kim dẫn đường sắc bén; Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn; Có dao mổ và kim nong bằng nhựa; Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 4F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G22, G22; Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	550	Cái
119	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Kim dẫn đường sắc bén; Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn; Có dao mổ và kim nong bằng nhựa; Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 5F, chiều dài 13cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G20, G22, G22; Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	35	Cái
120	Catheter mount (Sâu máy thở)	Ống nối dây máy thở cao tần, loại đa hướng được làm từ các nhựa Polypropylene cấp độ y tế, bao gồm: đoạn ống thở, đầu nối ống, công đo nồng độ CO2 và hút dịch có nắp, co nối xoay chữ T linh hoạt. Chiều dài dây 15 cm. Đầu nối tiêu chuẩn 22mmF-15mmM và 22mmM/15mmF. Chiều dài đầu nối ống: $\geq 21$ mm. Độ bền kết nối: 45 N.Tồn dư EO sau tiệt trùng : $\leq 60$ mg / sản phẩm.	450	Cái
121	Catheter tĩnh mạch rón	Catheter tĩnh mạch dùng làm đường dẫn để truyền thuốc, dịch vào đường động mạch của cơ thể bệnh nhân nhi. Làm từ chất liệu PVC, chiều dài $\geq 37$ cm. Các số từ 4 đến 5 Fr	200	Cái
122	Catheter tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1Kg. Cấu tạo: - 01 Catheter chất liệu PUR. - Cỡ 1Fr - Dài $\geq 20$ cm - Tốc độ truyền dịch $\geq 0.2$ mL / phút - Thể tích mỗi dịch ban đầu $\geq 0,09$ mL	50	Cái
123	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Sản phẩm bằng nhựa có chứa Povidon - Iod Thiết bị là nắp đóng được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp	43.200	Cái
124	Kim khâu mổ các số	Kim mổ các loại: ruột, dạ dày, cân cơ, da người lớn, da trẻ em, da sọ, màng não	1.500	Cái
125	Dao phẫu thuật nhân khoa 15 độ	- Hình dạng, cấu trúc và thành phần: + Dao được trang bị nắp đậy an toàn. + Vật liệu chính: Tay cầm: Polycarbonate; Lưỡi dao: Thép không gỉ. Nắp: Polycarbonate. - Công nghệ mài hai mặt vát, dao thẳng. - Lưỡi dao siêu mỏng làm giảm đáng kể lực xuyên thấu và góp phần tái tạo biểu bì - Bề mặt mịn như satin cho hiệu ứng chống chói - Độ sắc nét tốt. Độ sắc bén cao - Vết rạch đâm ban đầu: Vát kép 15°, thẳng 1.00 mm	150	Cái
127	Dao phẫu thuật nhân khoa các cỡ	- Hình dạng, cấu trúc và thành phần: + Dao được trang bị nắp đậy an toàn. + Vật liệu chính: Tay cầm: Polycarbonate; Lưỡi dao: Thép không gỉ. Nắp: Polycarbonate.	150	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
127	Dao lạng mỏng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ mài hai mặt vát, gập góc.</li> <li>- Lưỡi dao siêu mỏng làm giảm đáng kể lực xuyên thấu và góp phần tài tạo biểu bì.</li> <li>- Bề mặt mịn như satin cho hiệu ứng chống chói. Độ sắc nét tốt.</li> <li>- Dao giác mạc trong suốt có chỉ báo độ sâu. Rạch đường cắt hàm.</li> </ul>	50	Cái
128	Tay dao điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dao lạng mỏng dùng trong phẫu thuật mắt làm bằng thép không gỉ.</li> <li>Dùng cho máy đốt điện, máy cắt đốt.</li> <li>Tay dao cắt đốt 2 nút bấm, 3 châu, sử dụng 1 lần.</li> </ul>	8.000	Cái
129	Tay dao mổ siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tay dao mổ siêu âm.</li> <li>4 kích cỡ: 13 cm, 21 cm, 35 cm, 43 cm</li> <li>Đường kính tay dao: 5.5 mm</li> <li>Tương thích với máy Surgnova SC100E</li> </ul>	100	Cái
130	Dây dao siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dây dao siêu âm với với bộ đếm số lần sử dụng được đặt bên trong, có thể sử dụng lên tới 99 lần, tương thích với máy Surgnova SC100E</li> </ul>	10	Cái
131	Dây cưa sọ não	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chiều dài 32cm hoặc 40cm. Chất liệu thép không gỉ.</li> </ul>	120	Cái
132	Lưỡi dao mổ các số	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng bằng tia gamma, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22.</li> </ul>	12.000	Cái
133	Thủy tinh thể nhân tạo mềm không ngậm nước lọc ánh sáng xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, không ngậm nước, lọc ánh sáng xanh - 'Chất liệu : hydrophobic Acylic</li> <li>- Hấp thụ UV</li> <li>- Đường kính Optic: 6 mm</li> <li>- Chiều dài tổng thể: 13mm</li> <li>- Dải công suất: 0.0D - +35D</li> <li>- Thiết kế: 1 mảnh</li> <li>- Đặc điểm: phi cầu</li> <li>- Hãng số A: 118.9 (SRK/T)</li> <li>- Độ sâu tiền phòng: 5.49</li> <li>- Hệ số chiết suất n: 1.47</li> <li>- Màu sắc : Màu vàng</li> <li>- Thiết kế hai càng kép khép kín, góc càng ≤ 5 độ</li> <li>- Kèm dụng cụ đặt IOL</li> <li>- Tiết trùng: Ethylene Oxide</li> <li>- Kích thước vết mổ 1,8mm- 2.4mm</li> </ul>	20	Cái
134	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, lọc UV, lọc ánh sáng xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, Chất liệu Copolymer (Hydrophilic - Hydrophobic copolymer cấu tạo gồm 2-HEMA (2-hydroxyethyl Methacrylate) và EOEMA (2-ethoxyethyl methacrylate) với 1 phần từ chromophore).</li> <li>Thiết kế 1 mảnh, Càng chữ C. Lọc tia UV. Góc càng 5 độ.</li> <li>Đường kính Optic 6.0mm, Phi cầu, Optic Thiết kế với công nghệ rìa vuông hai lần (double square edge). Chiều dài kính 12.5mm. Chỉ số khúc xạ 1.46. Dải công suất 0.00D đến +30.00D. Hãng số A: 118.3. Độ sâu tiền phòng: 5.14. Chỉ số Abbe: 46.94.</li> </ul>	15	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
135	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, không ngâm nước	<p>Độ dày trung tâm (chỉ số SA): <math>\leq -0.14 \mu\text{m}</math>. Kèm cartridge và dụng cụ đặt thủy tinh thể Accuject Pro 1.8mm - 1P sử dụng một lần do Mediceal AG sản xuất. Thực hiện qua vết mổ <math>\leq 2.2\text{mm}</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh,</li> <li>- Chất liệu vùng quang học: Hydrophobic Acrylic (nhân khô, không ngâm nước)</li> <li>- Không nhuộm vàng, lọc tia cực tím (UV); Optic thiết kế phi cầu</li> <li>- Chỉ số khúc xạ: 1.548</li> <li>- Đặc điểm cạo: 2 cạo</li> <li>- Chiều dài thủy tinh thể: 13mm, đường kính vùng quang học: 6,0mm</li> <li>- Dải công suất đáp ứng: từ +6,0 D đến +30,0 D</li> <li>- Kích thước vết mổ: 2.2mm</li> <li>- Thủy tinh thể lắp sẵn trong súng (injector) dạng xoay.</li> <li>- Thiết kế optic: bờ cạnh vuông chông đục bao sau thứ phát. Chất liệu Optic không gây hiện tượng Glistening.</li> <li>- Càng chữ C cài tiến, bề mặt cạo tạo nhám chống dính vào optic, góc cạo 0 độ.</li> <li>- Độ sâu tiền phòng ACD: 5,49;</li> <li>- Hãng số A: 118,9;</li> <li>- Chỉ số cầu sai (SA) của Optic là: <math>-0,16\mu\text{m}</math>;</li> </ul>	300	Cái
136	Miếng và khayét sọ titan 100x100mm (lưới titan)	Được thiết kế kiểu 3D có độ dày 0.6mm với các kích cỡ được tối ưu hóa trong phẫu thuật, thuận lợi khi cắt, uốn vào tạo hình. Sản phẩm dùng vít 2.0mm. Kích thước: 100x100mm	10	Miếng
137	Miếng và khayét sọ titan 150x150mm (lưới titan)	Được thiết kế kiểu 3D có độ dày 0.6mm với các kích cỡ được tối ưu hóa trong phẫu thuật, thuận lợi khi cắt, uốn vào tạo hình. Sản phẩm dùng vít 2.0mm. Kích thước: 150x150mm	10	Miếng
138	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản gồm có: tay cầm và đầu thắt, một ống kéo có đầu cong và một kim có chụp bảo vệ. Với thiết kế 1 đầu thắt gồm 4/6 vòng bán. Loại không có latex, đầu cap bằng silicon, dây thắt màu vàng. Loại có latex, dây thắt màu xanh. Đường kính cáp 8.8-9.8mm phù hợp với dây soi 9.4 mm - 14 mm. Chiều dài của dây kéo từ 145mm-190mm, chất liệu bằng lụa.	10	Bộ
139	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản có tay một ống kéo có đầu cong và một kim có chụp bảo vệ. Với thiết kế 1 đầu thắt gồm 4/6 vòng bán. Loại không có latex, đầu cap bằng silicon, dây thắt màu vàng. Loại có latex, dây thắt màu xanh. Đường kính cáp 8.8-9.8mm phù hợp với dây soi 9.4 mm - 14 mm. Chiều dài của dây kéo từ 145mm-190mm, chất liệu bằng lụa.	50	Cái
140	Dây dẫn đường cứng	Dây dẫn đường thép không gỉ, bọc PTFE, dạng thẳng, Kích thước: $\geq 0.032''$ hoặc $0.038''$ dài $\geq 150\text{cm}$	300	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
141	Dây dẫn đường mềm	Dây dẫn đường mềm Nitinol, phủ Hydrophilic, chiều dài 150cm, đường kính $\geq 0,035''$	30	Cái
142	Dây dẫn đường vãn các cỡ	Dây dẫn đường vãn có màu vàng đen, đường kính từ $\geq 0.0032$ inch, dài $\geq 150$ cm	10	Cái
143	Phim khô y tế dùng cho chụp X-quang 20x25cm (8x10 inch)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm (8x10 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt</li> <li>- Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester</li> <li>- Hỗ trợ lớp nền <math>\geq 7</math>-mil polyester</li> <li>- Mật độ hình ảnh <math>\geq D_{max}: 3.3</math></li> <li>- Phim có độ phân giải tối đa <math>\geq 650</math> ppi</li> </ul>	55.000	Tờ
144	Phim khô y tế dùng cho chụp X-quang 25x30cm (10x12 inch)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phim khô laser kích cỡ 25x30 cm (10x12 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt</li> <li>- Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester</li> <li>- Hỗ trợ lớp nền <math>\geq 7</math>-mil polyester</li> <li>- Mật độ hình ảnh <math>D_{max}: \geq 3.3</math></li> <li>- Phim có độ phân giải tối đa <math>\geq 650</math> ppi</li> </ul>	75.000	Tờ
145	Phim khô y tế dùng cho chụp X-quang 35x43cm (14x17 inch)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phim khô laser kích cỡ 35x43 cm (14x17 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt</li> <li>- Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester</li> <li>- Hỗ trợ lớp nền <math>\geq 7</math>-mil polyester</li> <li>- Mật độ hình ảnh <math>D_{max}: \geq 3.3</math></li> <li>- Phim có độ phân giải tối đa <math>\geq 650</math> ppi</li> </ul>	40.000	Tờ
146	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	Đầu nối ống thông dùng trong thẩm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông Chất liệu bằng Titanium Vô trùng không gây dị ứng. Tiệt trùng bằng ethylene oxide	30	Cái
147	Catheter lọc màng bụng đầu cong dài 63cm	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài $\geq 63$ cm được làm bằng cao su silicone trong mờ có chứa một dải cân quang	30	Cái
148	Bộ quả lọc máu liên tục	<p>Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn:</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Màng lọc: dạng sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer)</li> <li>• Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate</li> <li>• Vách đầu quả lọc: Polyurethane</li> <li>• Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC)</li> <li>• Cartridge: PETG</li> <li>• Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide)</li> </ul> <p>Thông số kỹ thuật của quả lọc:</p> <p>Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6</p> <p>Thể tích máu trong quả lọc (<math>\pm 10\%</math>): <math>\geq 152</math> ml</p> <p>Diện tích màng: <math>\geq 0,9m^2</math></p>	100	Bộ

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
149	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin	<p>Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): <math>\geq 240\mu\text{m}</math>  Độ dày thành sợi lọc: <math>\geq 50\mu\text{m}</math></p> <p>Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết)</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Màng lọc cấu tạo 3 lớp:</li> <li>- Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer): giúp hấp phụ các Cytokine</li> <li>- PolyethyleneImine (PEI): giúp hấp phụ Nội độc tố</li> <li>- Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m<sup>2</sup>): giảm khả năng tạo huyết khối ở màng</li> <li>• Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate</li> <li>• Vách đầu quả lọc: Polyurethane</li> <li>• Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC)</li> <li>• Cartridge: PETG</li> <li>• Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide)</li> </ul> <p>Thông số kỹ thuật của quả lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60</li> <li>• Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6</li> </ul> <p>Thể tích máu trong quả lọc (<math>\pm 10\%</math>): <math>\geq 193\text{ ml}</math>  Diện tích màng: <math>\geq 1,5\text{m}^2</math>  Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): <math>\geq 240\mu\text{m}</math>  Độ dày thành sợi lọc: <math>\geq 50\mu\text{m}</math></p>	20	Bộ
150	Quả lọc trao đổi huyết tương	<p>Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn:</p> <p>Thể tích máu của cả bộ quả lọc <math>\pm 10\%</math>: <math>\geq 127\text{ ml}</math>  Diện tích màng: <math>\geq 0,35\text{ m}^2</math></p> <p>Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene</p> <p>Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): <math>\geq 330\text{ }\mu\text{m}</math>  Độ dày thành sợi lọc: <math>\geq 150\text{ }\mu\text{m}</math></p> <p>Thể tích máu trong quả lọc huyết tương: <math>\geq 41\text{ ml} \pm 10\%</math>  Tốc độ máu tối thiểu: 100ml/min  Tốc độ máu tối đa: 400ml/min</p>	12	Bộ
151	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	<p>Vật liệu vỏ Polycarbonate. Vật liệu hấp phụ: Double Cross-linked Styrene-divinyl benzene Copolymer. Thể tích hấp phụ: <math>\geq 130\text{mL}</math>. Thể tích khoang máu: <math>\geq 110\text{mL}</math>. Diện tích hấp phụ: 52.000m<sup>2</sup>. Lưu lượng máu tối đa: <math>\geq 250\text{mL/phút}</math>. Nội trở tối đa 4kPa. Áp suất chịu đựng tối đa 100kPa. Độ chịu lực của hạt: 8,1N. Dải hấp phụ: 5~30kDa. Phương thức khử trùng: Tia Gamma. Dung dịch bảo quản: Nước tiêm vô trùng. Năng lực hấp phụ: PTH: 53.4%; MG: 44.7%; Creatinine: 85%; protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%</p>	200	Bộ

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
152	Quả lọc thận màng High Flux	<ul style="list-style-type: none"> <li>- High flux</li> <li>- Chất liệu màng: Helixon Plus® (Polysulfone-PVP blend)</li> <li>- Diện tích màng: <math>\geq 1,6m^2</math></li> <li>- Chất liệu vỏ bọc: polypropylene</li> <li>- Thể tích môi: <math>\geq 95ml</math></li> <li>- Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút: Urea <math>\geq 285</math>, Creatinin <math>\geq 271</math>, Inulin <math>\geq 144</math>, Cytocrome C <math>\geq 131</math></li> <li>- Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người): 46 (ml/h x mmHg)</li> <li>- Hệ số sàng lọc: Beta2microglobulin (B2M)=0,9 Albumin <math>&lt; 0,001</math></li> </ul>	550	Quả
153	Quả lọc máu thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Low flux</li> <li>- Chất liệu màng: Fresenius Polysulfone</li> <li>- Diện tích màng: <math>\geq 1,6m^2</math></li> <li>- Chất liệu vỏ bọc: polycarbonate</li> <li>- Độ dày thành sợi/đường kính sợi (micromet): 40/200</li> <li>- Thể tích môi: <math>\geq 96ml</math></li> <li>- Độ thanh thải ở tốc độ máu <math>\geq 200ml/phút</math>: Urea <math>\geq 188</math>, Creatinin <math>\geq 175</math></li> <li>- Phương pháp tiệt trùng: hơi nước trong lồng sợi inline steam</li> <li>- Áp lực xuyên màng (TMP) tối đa: <math>\geq 600mmHg</math></li> <li>- Tốc độ dịch lọc tối đa: 1000ml/phút</li> </ul>	2.600	Quả
154	Quả lọc thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu màng : Purema Polyethersulfone</li> <li>Chất liệu vỏ quả: Polycarbonate/ Polyurethane</li> <li>Hệ số siêu lọc <math>\geq 16</math></li> <li>Diện tích màng <math>\geq 1,5 m^2</math></li> <li>Phương pháp khử trùng an toàn</li> <li>Với tốc độ bơm máu 300ml/min thì hệ số lọc: Urea <math>\geq 258ml/phút</math>, Creatinine <math>\geq 23 lml/phút</math>, Phosphate <math>\leq 202ml/phút</math>, Vitamin B12: <math>\leq 119ml/phút</math>.</li> <li>Độ dày của màng: <math>\geq 35\mu m</math>, Đường kính trong: 200<math>\mu m</math>, Hệ số truyền tải: <math>\leq 930</math>, Thể tích môi: <math>\leq 85ml</math>.</li> </ul>	2.600	Quả
155	Quả lọc dịch (Quả lọc nước)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu màng: Fresenius Polysulfone. Diện tích màng: <math>\geq 2.2 (m^2)</math>.</li> <li>Thông số lọc: <math>\geq 5ml/min mm HG (3.75L/min bar; max. 2 bar)</math></li> </ul>	30	Quả
156	Chất nhầy	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành phần:</li> <li>Hydroxypropyl Methylcellulose Ophthalmic Solution UPS 2%</li> <li>Độ nhớt 3000-5600 cPs</li> <li>Độ pH từ 6,0-7,8</li> <li>Trọng lượng phân tử cao 86.000 daltons và 1261.4 g/mol</li> </ul>	200	Lọ
157	Chất nhầy phẫu thuật Phaco	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch nhầy phẫu thuật Hydroxypropyl Methylcellulose</li> <li>- Nồng độ: 2% w/v</li> <li>- Độ nhớt 5250-8750 mPas</li> <li>- pH = 6.8 - 7.6</li> </ul>	200	Lọ

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
158	Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt	<p>- Dịch nhầy được đóng gói sẵn trong xi lanh (PFS) <math>\geq 2,0\text{ml}</math></p> <p>- Kim hơi chuyên dùng kích thước 23G</p> <p>Thành phần: Hydroxypropyl Methylcellulose Ophthalmic Solution UPS 2% Độ nhớt 3000-5600 cPs Độ pH từ 6,0-7,8 Trọng lượng phân tử cao 86.000 daltons và 1261.4 g/mol Lọ <math>\geq 2\text{ mL}</math></p>	150	Lọ
159	Rọ lấy sỏi	Rọ lấy sỏi niệu quản cỡ $\geq 3,0\text{ Fr}$ , dài $\geq 90\text{ cm}$	80	Cái
160	Bộ dẫn lưu thận qua da	Bộ dẫn lưu thận qua da bao gồm: 1 dao rạch, 1 đầu kết nối túi nước tiểu, 1 kim chiba. Size 6/7/8Fr có 3 que nong dài $\geq 20\text{cm}$ phủ hydrophilic, Size 9/10/12/14Fr có 4 que nong dài $\geq 20\text{cm}$ phủ hydrophilic; 1 dây dẫn hướng đầu cong dài $\geq 80\text{cm}$ , Catheter dài $\geq 35\text{cm}$ phủ hydrophilic.	80	Bộ
161	Điện cực cắt đốt hình vòng (Ăng cát hình vòng)	- Lưới cắt nội soi tiền liệt tuyến đơn cực 1 chân hoặc 2 chân, cỡ 24Fr	30	Chiếc
162	Điện cực đốt hình cầu, đơn cực	Điện cực đốt cảm màu đầu hình cầu, đường kính 3 mm. Các cỡ: 24/26 Fr.	10	Chiếc
163	Áo cột sống các cỡ	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và các nẹp hợp kim nhôm thiết kế định hình và phân bố phù hợp theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu chấn thương cột sống, hỗ trợ sau phẫu thuật cột sống, bệnh lý cột sống như lao cột sống, xẹp các đốt sống. Phù hợp chiều cao cơ thể $\leq 135\text{cm}$ - $\geq 175\text{cm}$ ; gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL.	100	Cái
164	Nẹp chống xoay dài	Làm từ đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot, khóa Velcro. Bản nẹp hợp kim nhôm định hình uốn cong theo độ cong của bàn chân và căng chân kết hợp với thanh nẹp hợp kim nhôm chịu lực tốt, có tác dụng chống xoay và giữ thẳng đầu gối, hệ thống băng nhám dính giúp cố định chân với sản phẩm. Sử dụng sau phẫu thuật, sau chấn thương cổ xương đùi, chống co đầu gối. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL.	100	Cái
165	Nẹp chống xoay ngắn	Làm từ đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot, khóa Velcro. Bản nẹp hợp kim nhôm định hình uốn cong theo độ cong của bàn chân và căng chân kết hợp với thanh nẹp hợp kim nhôm đặc biệt, chịu lực tốt, xoay ngang có tác dụng chống xoay. Sử dụng sau phẫu thuật cổ xương đùi, ở cổ hoặc người già không có chỉ định phẫu thuật. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL.	100	Cái
166	Nẹp cổ loại cứng	Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L.	100	Cái
167	Nẹp cổ loại mềm	Làm từ mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí, vải, khóa Velcro. Dùng cho các trường hợp chấn thương nhẹ, hạn chế vận động. Chiều cao gồm tối thiểu các cỡ 5, 6, 8, 10cm.	100	Cái
168	Nẹp gối 3 mảnh các cỡ	Làm từ vải dệt kim, vải dệt kim cao nhe, có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Gồm các mảnh riêng biệt kết hợp với nhau điều chỉnh độ rộng tùy ý, dài khoảng 60 cm.	100	Cái

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
169	Nẹp gối các cỡ	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm được phân bố theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu cố định sau chấn thương, sau phẫu thuật khớp gối. Dài tối thiểu các cỡ 40cm, 50cm, 60cm 70cm. gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL.	100	Cái
170	Nẹp cố định ngón tay	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Có thể uốn để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng. Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, cố định và bảo vệ gãy xương đốt tay ngoại biên.	100	Cái
171	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ cho vít cỡ 2.0	Nẹp mặt thẳng $\geq 6$ lỗ dùng cho vít cỡ 2.0	30	Cái
172	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ cho vít cỡ 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); Nẹp mặt thẳng $\geq 8$ lỗ dùng cho vít cỡ 2.0	55	Cái
173	Nẹp mặt thẳng 4 lỗ dùng cho vít cỡ 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); Nẹp mặt thẳng $\geq 4$ lỗ dùng cho vít cỡ 2.0	80	Cái
174	Nẹp mặt thẳng 2 lỗ dùng cho vít cỡ 2.0	Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); Nẹp mặt thẳng $\geq 2$ lỗ dùng cho vít cỡ 2.0	50	Cái
175	Vít mặt 2.0 các số tự Taro	Vít dài 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 15, 17, 19mm, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136);	1.000	Cái
176	Vít mặt 2.0 các số tự khoan	Vít dài 4, 5, 6, 7mm, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136);	50	Cái
177	Vít neo chặn cỡ 2.0	Vít neo chặn cỡ 2.0 Chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V ( Tiêu chuẩn ASTM-F136)	50	Cái
178	Đầu côn xanh 1000 ul	- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip trơn (không khía) hoặc đầu tip sần (có khía) - Thể tích tối đa $\geq 1000$ ul (tương đương 1ml)	3.000	Cái
179	Đầu côn vàng	- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip sần (có khía) hoặc đầu tip trơn (không khía) - Thể tích tối đa $\geq 200$ ul (tương đương 0.2ml)	130.000	Cái
180	Đầu côn có lọc	Đầu tip có lọc $\geq 200$ ul dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet	5.000	Cái
181	Đè lưới gỗ	Thành phần cấu tạo: Bằng gỗ Kích thước: $\geq 150$ mm x 20mm x 2mm Sân phẩm đã được tiệt trùng	5.000	Cái
182	Hemoclip	Clip kẹp mạch máu titan Weck Hemoclip hình chữ V có cấu tạo rãnh hình trái tim giúp clip bám chắc vào mạch máu, chân clip hình tam giác giúp tăng tối đa về mặt tiếp xúc giữa clip và hàm, bỏ hiện tượng rơi clip. - Có lớp đế chống dính đặt lên bất cứ khu vực vô trùng nào - Cỡ ML: Chiều rộng $\geq 5,33$ mm, chiều cao $\geq 7,51$ mm, chiều dài clip khi đóng $\geq 9,27$ mm.	500	Cái
183	Hemoclock	Clip kẹp mạch máu polymer Weck Hemolok các cỡ, không tiêu, không dẫn điện, không ảnh hưởng đến CT, MRI hoặc X-ray. Cơ chế kẹp lạnh, không tỏa nhiệt, không lan nhiệt đến các cấu trúc mô. Cơ chế khóa an toàn với vấu tròn ngậm hàm chắc chắn, gai dọc thân clip với chân bám 360 chống	2.500	Cái



STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		trượt. Cỡ M chiều rộng clip 7,8mm, độ dày clip 2,10mm, kẹp mạch từ 2mm-7mm Cỡ ML chiều rộng clip 10,3mm, độ dày clip 1,96mm, kẹp mạch từ 3mm-10mm Cỡ L chiều rộng clip 14,63mm, độ dày clip 2,49mm, kẹp mạch từ 5mm-13mm Cỡ XL chiều rộng clip 18,03mm, độ dày clip 2,49mm, kẹp mạch từ 7mm-16mm Dùng để kẹp catheter lọc màng bụng trong trường hợp catheter bị thủng gây rò rỉ dịch màng bụng hoặc thay bộ chuyên tiếp cho bệnh nhân lọc màng bụng Chất liệu polypropylene		
184	Kẹp Catheter	Kẹp dùng để hỗ trợ cho việc lấp và tháo rời đầu nối bộ lọc màng bụng khỏi Dung dịch lọc màng bụng. Kích thước: 9,6cm x 13cm Vật liệu: nhựa acetal	60	Cái
185	Kẹp thay dịch	Clip cầm máu dùng một lần có đường kính mở 16mm. Sau khi bắn ra, clip có độ dài stem tương ứng là $\geq 13.3$ mm. Clip xoay 2 chiều 360 độ (cán màu xanh, vàng) với độ mở 135 độ; - Chiều dài các cỡ $\geq 1950$ mm, $\geq 2300$ mm. - Đường kính ngoài của ống tube tối đa $\geq 2.6$ mm. Kênh làm việc tối thiểu $\geq 2.8$ mm. - Đóng mở được nhiều lần - Tay cầm chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene	60	Cái
186	Kẹp Clip các cỡ dùng trong nội soi	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2.1$ m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun có định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL.	30	Cái
187	Mặt nạ xông khí dung	Màng lọc $\geq 0.2$ micron , bảo vệ tránh máu tiếp xúc trực tiếp đầu dò áp lực tĩnh mạch và động mạch	50	Cái
188	Phin lọc khí dùng cho máy chạy thận nhân tạo	Bộ lọc vi khuẩn và virut kết hợp trao đổi ẩm dùng cho người lớn. Hiệu quả lọc vi khuẩn, virus đạt đến 99.999%. Có công lấy mẫu khí CO2. Khoảng chết: 18ml. Thể tích khí lưu thông: 200-1500ml. Độ thất thoát hơi ẩm 8.9mg/LH <sub>2</sub> O tại 500 ml. Độ sụt áp: 1.2hPa tại 30L/phút, 2.7hPa tại 60L/phút, 4.6hPa tại 90L/phút. - Kim đầu cong Tuohy G18 dài 3 ¼" gây tê ngoài màng cứng, đầu cong có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. - Catheter bằng polyamid trong suốt, dài $\geq 1000$ mm, có đường cân quang ngầm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc, thân catheter mềm dẻo, chống gập - Đầu nối catheter dạng nắp bật, tránh tình trạng vặn quá mức gây tắc catheter - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance) giúp xác định khoảng ngoài màng cứng dễ	2.500	Cái
189	Phin lọc khuẩn loại 3 chức năng		200	Cái
190	Bộ gây tê ngoài màng cứng các loại, các cỡ		100	Bộ

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
191	K-Y Lubricating Jelly 82G Exp	<p>dàng và chính xác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màng lọc với kích thước lỗ lọc <math>\geq 0.2\mu\text{m}</math>, tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn, tấm dán cố định màng lọc</li> <li>- Có 2 bơm tiêm 3ml và 20ml có đầu vận xoắn và 3 kim chích thuốc G25, G21, G18.</li> <li>• Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi.</li> <li>• Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylene; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid</li> </ul>	600	Tuýp
192	Khẩu trang y tế 3 lớp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene</li> <li>- Lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn...</li> </ul>	200.000	Cái
193	Khẩu trang y tế 4 lớp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene</li> <li>- 02 Lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn...</li> </ul>	10.000	Cái
194	Lam kính	Lam thường 7102( kích thước 25.4x76.2mm, dây 1.2mm, hộp 72 miếng)	15.000	Miếng
195	Lamen	Chất liệu thủy tinh borosilicate đảm bảo kháng hóa chất, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang.	1.000	Miếng
196	Nhiệt kế	Gồm 2 phần: Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch. Dùng để đo nhiệt độ cơ thể	500	Cái
197	Que thử nồng độ axit peracetic (Kiểm tra nước rửa máy chạy thận và rửa quả lọc)	Mục đích sử dụng: Dùng để thử “hiệu lực”, “hiệu năng” hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc. Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả $\leq 12$ giây	500	Que
198	Que thử tồn dư (Kiểm tra nước rửa máy chạy thận)	Mục đích sử dụng: Dùng để kiểm tra nồng độ formaldehyde còn lại sau khi khử trùng và tráng rửa quả lọc, máy lọc máu, hệ thống nước hoặc thiết bị thẩm thấu ngược (RO). Có thể kiểm tra nồng độ Formaldehyde từ: 0, Trace (dạng vết), 2.5 và 5 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả $\leq 3$ phút	500	Que
199	Que thử tồn dư Clo (Kiểm tra nước rửa máy chạy thận)	Mục đích sử dụng: Dùng để phát hiện thuốc tẩy clo tồn dư (natri hypochlorite) trong dung dịch đã được sử dụng để rửa các ống thẩm tách Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.5, 1, 2 và 5 ppm Không dùng Que thử tồn dư Clo để xác định nồng độ Clo lớn hơn 5 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả $\leq 35$ giây	500	Que
200	Que thử tồn dư peroxide (Kiểm tra	Thông số chung Mục đích sử dụng:	500	Que

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nước rửa máy chạy thận và rửa quả lọc)	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm		
201	Loạt dụng bệnh phẩm nắp đỏ	Nhựa PS trắng trong (nhựa trung tính, tinh khiết 100%), nắp màu đỏ, có nhãn. Dung tích: ≥ 55mL Dùng chứa mẫu nước tiểu, bệnh phẩm...	40.000	Cái
202	Giấy in siêu âm cỡ 84mm	Dùng cho các máy in của hãng Sony. Số lượng bản in: 108 bản in. Kích thước: 84mm x 13.5m	250	Cuộn
203	Giấy in siêu âm 110mm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony. Dung lượng: Khoảng ≥ 215 bản in cho mỗi cuộn. Kích thước 110 mm x 20 m. Chất lượng cao	1.000	Cuộn
204	Giấy in cỡ 50mm	Giấy in cho máy monitor, sinh hóa, huyết học 50mm x 20m	150	Cuộn
205	Giấy in cỡ 57mm	Kích thước: 57mm x 30m, dùng cho máy in nhiệt của máy xét nghiệm nước tiểu.	180	Cuộn
206	Giấy điện tim cỡ 63mm	Giấy dùng cho máy điện tim 3 cần Kích thước: 63mmx30mx17mm Màu: Đường kẻ sọc màu đỏ Lõi: bằng nhựa màu đen Dạng cuộn, giấy chất liệu tốt, in kết quả rõ đẹp Đường kính ngoài: ≥ 49mm Phù hợp các máy: Nihon Koden, Fukuda...	250	Cuộn
207	Giấy điện tim cỡ 80mm	Giấy sử dụng cho máy điện tim Kích thước 80cm	100	Cuộn
208	Giấy điện tim cỡ 110mm	Kích thước giấy: 110mm x 140mm x 142 tờ Giấy sử dụng tương thích cho máy của hãng Nihon kohden Giấy có dòng kẻ	500	Tệp
209	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde Tổng số vi sinh vật khi hiệu <10 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẫn cảm hoặc rát da. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước, PH:6.5-7.5. Vật chất biểu hiện:dạng gel Màu sắc: màu xanh, không màu Mùi vị: không mùi	600	Lít
210	Muối Viên	Là loại muối viên tinh khiết được sử dụng để hoàn nguyên hạt trao đổi cation. Muối hoàn nguyên giúp các hạt cation trở lại trạng thái trao đổi ion gần như ban đầu. Công dụng làm mềm nước cứng.	10.000	Kg

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Khử kim loại nặng, nâng cao chất lượng nước cho hệ thống lọc nước R.O dùng cho chạy thận nhân tạo		
211	Acid Citric	Tinh thể rắn màu trắng, không mùi, hòa tan trong nước Có tác dụng tái sinh vật liệu lọc để trao đổi ion, dùng trong các chất làm mềm nước.	1.500	Kg
212	Snare cắt lạnh các cỡ	Thông lòng tay cầm 3 ring chất liệu Ergonomic, có thước trên tay cầm để đo độ mở của thông lòng và ở đầu khớp nối xoay 360 độ để điều khiển thông lòng. Thiết kế đầu loop hình kim cương với sợi mảnh 0.22mm cắt sắc bén. Ống thông thiết kế dạng cứng để dàng đưa vào dây soi trong quá trình can thiệp. Đường kính 10-15mm.	5	Cái
213	Canuyn dùng trong nội soi	Ngáng miệng có 2 loại: tiêu chuẩn dành cho người lớn và loại dành cho trẻ em, ngáng miệng được làm từ chất liệu nhựa, màu xanh, dây đeo không chứa latex. Kích cỡ bên trong: 21mm x 26mm hoặc 13mm x 20mm.	100	Cái
214	Kim gấp dị vật (nội soi dạ dày)	Kim gấp dị vật ngâm cá sấu, răng chuốt hoặc kết hợp. Tay cầm bằng nhựa Ergonomic, 3 ring. Đường kính thân 1.8mm hoặc 2.3mm, độ mở ngàm 6.3mm hoặc 8.1mm. Chất liệu ngàm bằng thép không gỉ. Chiều dài làm việc 120cm, 180cm hoặc 230cm. Đường kính ngàm 2.3mm hoặc 5.6mm. Tương thích với kênh làm việc 2.0mm hoặc 2.8mm.	5	Cái
215	Mô vịt nhựa	Mô vịt cỡ M và L, sản xuất từ chất liệu nhựa nguyên sinh, độ trơn láng cao.	2.000	Cái
216	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt trùng hơi nước	Chỉ thị hóa học loại 5 kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn hơi nước, tiêu chuẩn EN ISO 11140-1. Đánh giá 3 thông số: Nhiệt độ, thời gian, hơi nước. Phù hợp chương trình tiệt khuẩn 121°C tới 135°C. 20 chỉ thị/ tờ. Kích thước chỉ thị: 65 * 14 mm. Sự đổi màu từ vàng sang đen	10	Hộp
217	Test thử Bowie Dick	- Kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn hơi nước - Chạy chu trình tiệt khuẩn 134±1,5oC trong 3 phút - Kích thước : 115mm*125 mm - Giấy Crepe, giấy, bọt biển, chỉ thị - Điều kiện hoạt động: 3 phút +/- 5 s, 134°C/269.6°F +/-1.5°C, hơi nước bão hòa	750	Gói
218	Băng keo chỉ thị nhiệt	- Dùng cố định gói dụng cụ hấp - Để kiểm tra gói dụng cụ đã hấp và chưa hấp thông qua vạch - Chỉ dùng cho máy hấp ướt - Kích thước cuộn: 19mmx50m - Giấy y tế và mực chỉ thị - Điều kiện hoạt động: 3 phút +/- 5 s, 134°C/269.6°F +/-1.5°C, hơi nước bão hòa, HOẶC 20 phút +/- 5 s, 121°C/250°F +/-1.5°C, hơi nước bão hòa	400	Cuộn
219	Túi ép đet tiệt trùng cỡ 5cmx200m	- Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo bao gồm chỉ thị khí EO, tiệt trùng hơi nước, chỉ thị Formandehyde - Phương pháp hàn: 3 đường - Gồm 2 lớp. + Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm ± 5%; độ lọt khí 11.4 μm/(Pa.s).	10	Cuộn

STT	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
220	Túi ép đet tiết trùng cỡ 7,5cmx200m	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt dưới : Tám film xanh trong suốt : Độ dày : 52µm ± 5% (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP), độ bóng 114.3%, Độ mờ 4.99%.</li> <li>- Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiết trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo bao gồm chỉ thị khí EO, tiết trùng hơi nước, chỉ thị Formandehyde</li> <li>- Phương pháp hàn: 3 đường</li> <li>- Gồm 2 lớp:</li> <li>+ Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm ± 5%; độ lọt khí 11.4 µm/(Pa.s).</li> <li>+ Mặt dưới : Tám film xanh trong suốt : Độ dày : 52µm ± 5% (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP), độ bóng 114.3%, Độ mờ 4.99%.</li> <li>- Kích thước: 7,5cmx200m</li> </ul>	10	Cuộn
221	Túi ép đet tiết trùng 10cmx200m	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiết trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo bao gồm chỉ thị khí EO, tiết trùng hơi nước, chỉ thị Formandehyde</li> <li>- Phương pháp hàn: 3 đường</li> <li>- Gồm 2 lớp:</li> <li>+ Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm ± 5%; độ lọt khí 11.4 µm/(Pa.s).</li> <li>+ Mặt dưới : Tám film xanh trong suốt : Độ dày : 52µm ± 5% (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP), độ bóng 114.3%, Độ mờ 4.99%.</li> <li>- Kích thước: 10cmx200m</li> </ul>	10	Cuộn
222	Túi ép phòng tiết trùng cỡ 35cmx100m	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiết trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo bao gồm chỉ thị khí EO, tiết trùng hơi nước, chỉ thị Formandehyde</li> <li>- Phương pháp hàn: 3 đường</li> <li>- Gồm 2 lớp:</li> <li>+ Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm ± 5%; độ lọt khí 11.4 µm/(Pa.s).</li> <li>+ Mặt dưới : Tám film xanh trong suốt : Độ dày : 52µm ± 5% (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP), độ bóng 114.3%, Độ mờ 4.99%.</li> <li>- Kích thước: 35cmx100m</li> </ul>	100	Cuộn
223	Túi ép phòng tiết trùng cỡ 40cmx100m	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiết trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo bao gồm chỉ thị khí EO, tiết trùng hơi nước, chỉ thị Formandehyde</li> <li>- Phương pháp hàn: 3 đường</li> <li>- Gồm 2 lớp:</li> <li>+ Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm ± 5%; độ lọt khí 11.4 µm/(Pa.s).</li> <li>+ Mặt dưới : Tám film xanh trong suốt : Độ dày : 52µm ± 5% (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP), độ bóng 114.3%, Độ mờ 4.99%.</li> <li>- Kích thước: 40cmx100m</li> </ul>	200	Cuộn
224	Ăng cây vi sinh nhựa	Dùng cho các quy trình cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm thông thường	500	Cái
225	Ăng cây vi sinh inox	Dùng cho các quy trình cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm thông thường	10	Cái

SST	Tên vật tư y tế	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng (Dự kiến)	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
226	Cốc đựng mẫu 2.5ml	Chất liệu: Nhựa PS Dung tích: ≥2.5ml Kích thước: ≥16*38mm Sử dụng tương thích với các máy xét nghiệm Hitachi	1.000	Cái
	<b>Tổng cộng</b>	<b>226 Mặt hàng</b>		

**Ghi chú:**

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:
  - Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La – Tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
  - Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt:
    - + Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện. Nhà cung cấp phải đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu và khuyến cáo của nhà sản xuất để tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm giao nhận cuối cùng.
    - + Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do nhà thầu thực hiện; Các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
- Chất lượng hàng hóa và các yêu cầu khác:
  - Thiết bị, hàng hóa mới 100% theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
  - Hạn sử dụng của hàng hoá: Tối thiểu còn 12 tháng tính từ thời điểm giao hàng hoặc tối thiểu bằng ¼ tổng hạn sử dụng của hàng hóa (trường hợp có hạn dùng ngắn hơn, Bên bán chỉ được giao hàng khi bên mua đồng ý).

**Phụ lục II**  
**Mẫu báo giá**

*(Ban hành kèm theo công văn số 08 /BVDKT-VTTBYT ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La)*



**BÁO GIÁ**

Kính gửi: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH SƠN LA**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /BVDKT-VTTBYT ngày / /2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia: trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan**

STT	Tên danh mục	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Thông số kỹ thuật chi tiết	Số GPNK/GPLH	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Danh mục A													
2	Danh mục B													
n	...													
	<b>Tổng cộng</b>													

**Ghi chú: (Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế)**

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu)